

Bản án số: **35/2019/DSST**
Ngày 04-9-2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Hoàng**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST–DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST–DS ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Cù Văn Dương Đăng K** – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: số 342, khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N** - sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: số 176, khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, anh Cù Văn Dương Đăng K trình bày:**

Trước đây, anh K có cho anh N vay tiền nhiều lần, không nhớ cụ thể ngày, đến ngày 16/01/2018 thì anh K và anh N thống nhất chốt lại số nợ và anh N có viết biên nhận cho anh K, trong đó anh N thừa nhận có vay của anh K số tiền là 350.000.000đ, vay làm 3 đợt: đợt 1 là 100.000.000đ, đợt 2 là 100.000.000đ, đợt 3 là 150.000.000đ. Số tiền 350.000.000đ trong biên nhận ngày 16/01/2018 là số nợ

gốc anh N còn nợ của anh K. Từ khi viết biên nhận đến nay thì anh N đã trả được 20.000.000đ tiền nợ gốc cho anh K. Trong biên nhận có ghi lãi suất là thỏa thuận, nhưng thực tế anh K không tính lãi đối với số nợ này.

Nay anh K yêu cầu anh N trả cho anh K số tiền gốc là 330.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

*** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Văn N trình bày:**

Trước đây vào năm 2017 anh N có vay của anh K số tiền là 50.000.000đ, khi đó không có làm giấy tờ. Khi đó anh N và anh K thỏa thuận trả tiền lãi 7.500.000đ/tháng/50 triệu. Anh N đã đóng được khoảng 7 tháng với số tiền là 52.500.000đ. Sau đó anh N bỏ địa phương đi.

Sau khi về thì anh N trả được 20.000.000đ. Đến ngày 16/01/2018 thì anh K đến nhà anh N và ép anh N viết biên nhận, trong đó thể hiện là anh N có vay của anh K số tiền là 350.000.000đ và vay làm 3 đợt: đợt 1 là 100.000.000đ, đợt 2 là 100.000.000đ, đợt 3 là 150.000.000đ. Nhưng anh N khẳng định là anh N chỉ vay của anh K 50.000.000đ, đã trả 20.000.000đ, hiện còn nợ 30.000.000đ.

Đối với việc anh N cho rằng anh K ép anh N phải ghi biên nhận nợ ngày 16/01/2018 với số tiền là 350.000.000đ thì anh N không có chứng cứ gì chứng minh, vì khi đó chỉ có anh N và anh K.

Tại phiên tòa, anh N cho rằng anh chỉ còn nợ của anh K 30.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa anh Cù Văn Dương Đăng K và anh Nguyễn Văn N là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của anh Cù Văn Dương Đăng K được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

- **Về nội dung tranh chấp:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy khi vay từng lần các bên không có làm biên nhận, nhưng đến ngày 16/01/2018 thì anh N có viết biên nhận

cho anh K, trong đó anh N thừa nhận có vay của anh K số tiền là 350.000.000đ, vay làm 3 đợt: đợt 1 là 100.000.000đ, đợt 2 là 100.000.000đ, đợt 3 là 150.000.000đ, với lãi suất thỏa thuận. Từ khi viết biên nhận đến nay anh N đã trả cho anh K được 20.000.000đ. Ngoài ra, anh N thừa nhận là chữ viết và chữ ký trong biên nhận ngày 16/01/2018 là chữ viết của anh N; nhưng cho rằng thời điểm viết biên nhận là anh N bị anh K ép phải viết với số tiền 350.000.000đ; nhưng thực tế anh N chỉ còn nợ của anh K số tiền 30.000.000đ. Tuy nhiên, anh N không có chứng cứ gì chứng minh cho việc mình bị anh K ép phải viết biên nhận, vì khi đó chỉ có mặt anh K và anh N. Do vậy, việc anh K yêu cầu anh N trả cho anh K số tiền 330.000.000đ là có căn cứ.

[2] Xét thấy, anh N cho rằng hiện anh N chỉ còn nợ của anh K số tiền là 30.000.000đ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, anh N không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình, đồng thời anh K cũng không thừa nhận việc này.

[3] Về lãi suất: Do anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay,

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cù Văn Dương Đăng K.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của anh Cù Văn Dương Đăng K được chấp nhận nên anh K không phải chịu án phí.

Buộc anh Nguyễn Văn N phải nộp án phí là $330.000.000đ \times 5\% = 16.500.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 175, Điều 177 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 25 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cù Văn Dương Đăng K về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với anh Nguyễn Văn N.

2. Buộc anh Nguyễn Văn N phải trả cho anh Cù Văn Dương Đăng K số tiền là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Buộc anh Nguyễn Văn N phải nộp án phí là 330.000.000đ x 5% = 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Cù Văn Dương Đăng K số tiền là 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003474 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo